

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

5.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại : Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Ghi nhận cổ tức : Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho cổ đông.

5.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

5.12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển lỗ.

Thuế thu nhập hoãn lại



Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

5011729
CÔNG TY
NHIỆM HỮU
VỤ TƯ
ÍNH KẾ
KIỂM TOÁN
IA NAM
TP. HỒ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán và Kết quả hoạt động kinh doanh

6.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	640.581.273	362.233.194
Tiền gửi ngân hàng	1.437.836.148	245.630.428
Tiền đang chuyển	75.710.250	-
Các khoản tương đương tiền (*)	13.000.000.000	6.500.000.000
Cộng	15.154.127.671	7.107.863.622

(*) Chi tiết các khoản tương đương tiền

- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	7.400.000.000	6.500.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng	5.600.000.000	-
Cộng	13.000.000.000	6.500.000.000

6.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi có kỳ hạn (12 tháng)	21.700.000.000	23.500.000.000
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	719.885.349	242.270.380
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	(51.902.588)	(82.776.030)
Cộng	22.367.982.761	23.659.494.350

(*) Chi tiết chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán :

Tên công ty	Mã chứng khoán	Số lượng	Giá trị ghi sổ 31/12/2014	Giá trị thị trường 31/12/2014	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
Công ty CP Nhựa Tiên Phong	NTP	2.080	88.309.111	111.072.000	-
Công ty Bông Bạch Tuyết	BBT	1.300	25.613.875	13.000.000	(12.613.875)
Công ty Khoáng sản Lâm Đồng	LBM	680	25.722.275	8.840.000	(16.882.275)
Công ty CP Sông Đà 9	SD9	50	500.000	705.000	-
Công ty CP Xuất khẩu lao động	ILC	500	25.480.000	5.000.000	(20.480.000)
Công ty CP CK Hải Phòng	HPC	47	1.366.318	220.900	(1.145.418)
Công ty CP CK Bảo Việt	BVS	10.000	135.270.000	136.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Địa Ốc Xanh	DXG	5.000	67.635.000	69.500.000	-
Công ty CP Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF	KLF	8.100	90.691.020	89.910.000	(781.020)
Công ty CP Tập đoàn FLC	FLC	13.000	127.033.750	141.700.000	-
Công ty CP CK Bảo Việt	BVS	10.000	132.264.000	136.000.000	-
Cộng		50.757	719.885.349	711.947.900	(51.902.588)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	Số cuối năm	Số đầu năm
6.3. Phải thu của khách hàng		
Khoản phải thu của các nhà phân phối	646.614.056	3.072.552.031
Khoản phải thu của các đại lý	-	160.065
Khoản thu khách hàng khác	46.216.630	402.265
Cộng	692.830.686	3.073.114.361
6.4. Trả trước cho người bán		
Trả trước nhà cung cấp - xây dựng cơ bản	-	39.700.000
Trả trước khác	7.000.000	37.537.500
Cộng	7.000.000	77.237.500
6.5. Các khoản phải thu khác		
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân của CBCNV	10.328.835	2.200.686
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	138.035.000	157.877.777
Ông Huỳnh Văn Reo	25.000.000	25.000.000
BHXH, BHYT, BHTN nộp thừa	39.871.417	-
Các khoản khác	5.980.663	21.981.171
Cộng	219.215.915	207.059.634
6.6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
Ông Huỳnh Văn Reo	(25.000.000)	(25.000.000)
Cộng	(25.000.000)	(25.000.000)
6.7. Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu	388.468.257	2.754.226.907
Công cụ dụng cụ	23.232.754	28.732.232
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	489.746.219
Thành phẩm tồn kho	1.250.269.830	4.069.446.390
Hàng hóa	179.506.128	-
Cộng	1.841.476.969	7.342.151.748
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(243.985.958)	(545.151.604)
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho cuối kỳ	1.597.491.011	6.797.000.144
6.8. Tài sản ngắn hạn khác		
Khoản đặt cọc để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	150.000.000	-
Tạm ứng	22.099.000	22.405.000
Cộng	172.099.000	22.405.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

6.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện Vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	6.038.781.065	5.030.389.031	36.231.480	526.071.795	11.631.473.371
Tăng trong năm	423.103.999	227.272.727	-	250.000.000	900.376.726
Thanh lý trong năm	670.574.728	553.040.000	-	250.000.000	1.473.614.728
Số cuối năm	5.791.310.336	4.704.621.758	36.231.480	526.071.795	11.058.235.369
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.263.565.712	3.658.113.954	36.231.480	284.955.580	8.242.866.726
Tăng trong năm	322.120.850	318.160.658	-	81.870.922	722.152.430
Thanh lý trong năm	605.070.013	553.040.000	-	29.263.738	1.187.373.751
Số cuối năm	3.980.616.549	3.423.234.612	36.231.480	337.562.764	7.777.645.405
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.775.215.353	1.372.275.077	-	241.116.215	3.388.606.645
Số cuối năm	1.810.693.787	1.281.387.146	-	188.509.031	3.280.589.964

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng vào thời điểm cuối kỳ : 4.465.459.673 đồng, tại thời điểm đầu kỳ là: 5.407.127.914 đồng.

- Tài sản cố định hữu hình đang chờ thanh lý do Công ty ngưng sản xuất gạch ngói:

Tài sản cố định	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại cuối năm
Nhà cửa vật kiến trúc	4.819.624.204	(3.795.644.284)	1.023.979.920
Máy móc thiết bị	1.075.447.928	(1.002.203.013)	73.244.915
Cộng	5.895.072.132	(4.797.847.297)	1.097.224.835

- Toàn bộ tài sản cố định chờ thanh lý trên đã được Công ty tổ chức chào giá cạnh tranh theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 29/NK 04/NQ-HĐQT ngày 30/01/2015. Đơn vị trúng thầu là Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Bình Dương với giá sau thuế giá trị gia tăng là 2.415.000.000 đồng.

- Không có tài sản cố định hữu hình nào được dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay;